Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2934.10.00

Mã HS	2934.10.00
Mô tả hàng hóa	Các axit nucleic và muối của chúng, đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học; hợp chất dị vòng khác / - Hợp chất có chứa 1 vòng thiazol chưa ngưng tụ (đã hoặc chưa hydro hóa) trong cấu trúc
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	09/11/2026 19:38:01
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29341000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4387
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4387
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4387
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4344
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4305
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4305
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4305
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4305
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4305
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4305
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4343
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4343

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4343
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4343
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4343
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4343
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4347
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4347
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4347
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4347
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4347
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4347
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4347
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4311
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4307
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4307
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4307
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4307
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4307
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4307
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4307
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4307
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4307
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4307
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4307
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4307
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4354
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4354

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4354
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4354
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4354
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4354
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4351
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4351
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4351
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4351
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4351
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4351
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4359
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4359
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4359
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4359
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4359
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4359
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4330
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4330
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4330
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4330
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4330
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4330
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4332
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4332
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4332
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4332

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4332
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4332
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4330
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4330
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4330
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4330
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4330
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4330
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4330
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4351
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4351
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4351
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4351
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4351
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4351
RCEP B	2022	2022	0	B!D4351
RCEP B	2023	2023	0	B!E4351
RCEP B	2024	2024	0	B!F4351
RCEP B	2025	2025	0	B!G4351
RCEP B	2026	2026	0	B!H4351
RCEP B	2027	2027	0	B!I4351
RCEP C	2022	2022	0	C!D4351
RCEP C	2023	2023	0	C!E4351
RCEP C	2024	2024	0	C!F4351
RCEP C	2025	2025	0	C!G4351
RCEP C	2026	2026	0	C!H4351

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4351
RCEP D	2022	2022	0	D!D4351
RCEP D	2023	2023	0	D!E4351
RCEP D	2024	2024	0	D!F4351
RCEP D	2025	2025	0	D!G4351
RCEP D	2026	2026	0	D!H4351
RCEP D	2027	2027	0	D!I4351
RCEP E	2022	2022	0	E!D4354
RCEP E	2023	2023	0	E!E4354
RCEP E	2024	2024	0	E!F4354
RCEP E	2025	2025	0	E!G4354
RCEP E	2026	2026	0	E!H4354
RCEP E	2027	2027	0	E!I4354
RCEP F	2022	2022	0	F!D4351
RCEP F	2023	2023	0	F!E4351
RCEP F	2024	2024	0	F!F4351
RCEP F	2025	2025	0	F!G4351
RCEP F	2026	2026	0	F!H4351
RCEP F	2027	2027	0	F!I4351
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4004
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4004
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4004
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4004

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2934.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2934.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4387), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.